

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-11-2022

*V/v: Tuyên bố không công nhận  
quan hệ vợ chồng.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu.
2. Ông Hà Quang Văn.

*Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.*

Ngày 04 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 132/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc: “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lương Ngọc Ph, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Bản X, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Anh Lương Ngọc Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Hoàng Thị B chung sống với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph. Tuy nhiên hiện nay giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng anh không còn, UBND xã cũng không còn sổ lưu trữ. Anh chị sinh sống tại xã Ph và xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Đến khoảng năm 2012 thì do làm ăn thua lỗ về kinh tế xa sút, nợ nần dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy

ra mâu thuẫn, xúc phạm lẫn nhau. Đến khoảng năm 2016 thì anh chị sống ly thân, anh ở xã K, Chị Bở xã Ph. Đến nay anh chị đều xác định tình cảm không còn. Mâu thuẫn đã thực sự sâu sắc, không còn khả năng hàn gắn. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh và Chị Hoàng Thị B.

Về con chung: anh Phxác định anh và Chị Bcó 03 con chung là các cháu Lương Khánh N, sinh ngày 19/12/1992; cháu Lương Hà A, sinh ngày 10/5/1996; cháu Lương Đức A, sinh ngày 10/5/1996. Hiện nay cả 03 cháu đã đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập, đã có gia đình riêng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh Phkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến của bị đơn Chị Hoàng Thị B:** Được thể hiện trong đơn đề nghị, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bxác định thời điểm kết hôn và chung sống như anh Phtrình bày là đúng. Theo chị mâu thuẫn vợ chồng bắt nguồn từ việc anh Phngoại tình gần 20 năm nay. Chị đã khuyên can và tha thứ cho anh Phrất nhiều lần, cố níu giữ gia đình rất nhiều năm nay nhưng không giữ được. Dẫn đến công ăn việc làm sa sút, thua lỗ trầm trọng, cuộc sống vợ chồng luôn xảy ra va chạm và mâu thuẫn. Chị thấy không còn tình cảm để níu kéo thêm nữa nên cũng đồng ý với yêu cầu không công nhận vợ chồng với Anh Lương Ngọc Ph.

Về con chung: Chị Bxác định chị và anh Phcó 03 con chung là các cháu Lương Khánh N, sinh ngày 19/12/1992; cháu Lương Hà A, sinh ngày 10/5/1996; cháu Lương Đức A, sinh ngày 10/5/1996. Hiện nay cả 03 cháu đã đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Bkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Công văn số 46/UBND -TP của UBND xã Ph đã cung cấp thông tin: Về việc thực hiện đăng ký kết hôn thì hiện nay tại hồ sơ lưu trữ của UBND xã Ph từ năm 1990 trở về trước không còn, tại hệ thống lưu trữ chỉ còn lưu sổ gốc từ năm 1996 trở về đây. Kể từ năm 1996 đến nay anh Phvà Chị Bcũng chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn tại địa phương lần nào.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Ngọc Ph và Chị Hoàng Thị B chung sống với nhau năm 1990, anh chị khai có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph nhưng hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã mất, anh chị cũng không chứng minh được việc đã đăng ký kết hôn với nhau. Xác nhận của UBND xã Ph cũng khẳng định không có hồ sơ chứng minh anh Ph và Chị B đã đăng ký kết hôn tại ủy ban. Việc anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân xã nơi cư trú của hai bên là trái quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay anh Ph yêu cầu Tòa án Tuyên bố không công nhận vợ chồng với Chị B là phù hợp với quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Cả hai bên đều thừa nhận có 03 con chung là các cháu Lương Khánh N, sinh ngày 19/12/1992; cháu Lương Hà A, sinh ngày 10/5/1996; cháu Lương Đức A, sinh ngày 10/5/1996. Hiện cả ba cháu đã trưởng thành tự lập, vì vậy không đặt ra việc giải quyết trong vụ án này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Anh Lương Ngọc Ph phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều 147, 227, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Lương Ngọc Ph.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Lương Ngọc Ph và Chị Hoàng Thị B.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lương Ngọc Ph phải nộp là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Ph đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003610 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THAD huyện N;
- UBND xã Ph;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Hương Quỳnh**